

Bản án số: **101/2024/DS-ST**
Ngày: 14 - 9 - 2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU – TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Ngô Văn Sỹ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu*** tham gia phiên tòa: ông Võ Quang Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2024/TLST-DS ngày 27/05/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-DS ngày 12/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2024/QĐST-DS ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Như H**, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- ***Bị đơn:*** Bà **Trần Thị T**; sinh năm 1962; địa chỉ: K H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Như H trình bày:***

Do quan hệ quen biết, từ năm 2020 bà Nguyễn Thị Như H đã nhiều lần cho bà Trần Thị T vay tiền, bà T thỏa thuận trả nợ hàng tháng và sau khi trả xong tiền gốc sẽ trả lãi cho bà H với mức lãi suất 3%/tháng/tổng số tiền gốc. Tuy nhiên, do không trả tiền theo đúng thỏa thuận nên bà Trần Thị T đã nhiều lần viết giấy xác

nhận tiền nợ cho bà H. Cụ thể, vào ngày 23/2/2022 bà T viết giấy mượn tiền, nội dung có ghi ba khoản nợ gồm 146.800, 50.000 và 60.000 tức ghi tắt của 146.800.000đồng, 50.000.000đồng và 60.000.000đồng, tổng cộng là 256.800.000đồng và cam kết mỗi ngày góp 3.000.000đồng. Sau đó bà T chỉ trả được 8.000.000đồng nên vào ngày 03/3/2022 âm lịch bà H đã viết giấy mượn tiền xác nhận số tiền nợ là 256.000.000đồng và hứa hẹn mỗi ngày trả góp 1.700.000đồng. Từ đó cho đến ngày 03/11/2022 bà T trả thêm được 65.000.000đồng nên đã viết cho bà Hoa giấy trả nợ (ghi vào ngày 03/11/2022 nhưng bà T ghi nhầm thành ngày 3/11/2020) với nội dung mượn bà H số tiền 191.000.000đồng và xin trả góp mỗi ngày 150.000đồng. Tuy nhiên sau đó bà T chỉ trả thêm được 20.000.000đồng thì không trả nữa. Các khoản nợ trong các giấy tờ xác nhận do bà T viết mà bà đã cung cấp cho Tòa án là tiền gốc, không có tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Như H yêu cầu buộc bà Trần Thị T trả số tiền 191.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà H xác nhận bà T có trả thêm số tiền 20.000.000đồng nên yêu cầu buộc bà T trả số tiền nợ còn lại là 171.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà H cho rằng do hoàn cảnh hiện tại của bà T đang rất khó khăn, mặt khác trong một số giấy tờ xác nhận nợ có sự nhầm lẫn về thời gian viết giấy, số tiền vay mượn ghi không rõ ràng nên bà H chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà T trả cho bà số tiền nợ như bà T đã thừa nhận là 130.000.000đồng.

** Bị đơn là bà Trần Thị T không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng tại văn bản gửi Tòa án đề ngày 27/6/2024 đã trình bày:*

Bà có mượn của bà Nguyễn Thị Như H số tiền 130.000.000đồng, qua nhiều năm đã trả tiền lời cho bà H rất nhiều, đến cuối năm 2022 do không trả được tiền lời nữa nên bà H bắt bà viết rồi ký vào giấy nợ cả vốn lẫn lời. Đầu năm 2023, bà H bắt bà T trả 5.000.000đồng tiền gốc mỗi tháng thì bà đã trả được 45.000.000đồng. Đến tháng 02/2024 vì nợ quá nhiều người phải đi trốn nợ nên bà không trả được nợ cho bà H nữa. Nay bà Nguyễn Thị Như H khởi kiện thì bà xin trả số tiền 50.000.000đồng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung giải quyết của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Như H rút yêu cầu đối với số tiền 61.000.000đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Như H về việc buộc bà Trần Thị T trả số tiền nợ 130.000.000đồng thì thấy:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Như H cho rằng các khoản nợ xác định tại Giấy xin trả nợ (bản chính), Giấy mượn tiền đề ngày 23/02/2022 (bản chính), Giấy mượn tiền đề ngày 03/3/2022 âm (bản photo) mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là tiền gốc, không có tiền lãi nhưng do hiện tại bà T có hoàn cảnh rất khó khăn, mặt khác trong một số giấy tờ xác nhận nợ trên đây có sự nhầm lẫn về thời gian viết giấy, số tiền không rõ ràng; do vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền nợ như bị đơn đã thừa nhận là 130.000.000đồng. Còn bị đơn xác nhận chỉ mượn của nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng, đã trả tiền lời cho nguyên đơn trong nhiều năm và trả được 45.000.000 đồng tiền gốc nên đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đồng.

Xét ý kiến của các bên thì thấy: tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh như sau: “1. *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ... 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*”. Như vậy nghĩa vụ chứng minh là thuộc về các đương sự. Trong vụ án này, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đối với số

tiền 130.000.000đồng thì nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền, giấy xác nhận nợ tiền do chính bị đơn viết, đồng thời bị đơn cũng thừa nhận mượn nguyên đơn số tiền này. Còn bị đơn trình bày đã thanh toán tiền rất nhiều, trong đó có 45.000.000đồng tiền gốc nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc đã trả tiền này. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận lời khai của bà Nguyễn Thị Như H, mà không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà Trần Thị T về vấn đề trả nợ.

Xét thấy việc không thanh toán nợ mà không có lý do của bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là bên có lỗi do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000đồng hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật dân sự cần được chấp nhận.

[2] Đối với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; số tiền án phí cụ thể là: 130.000đồng x 5% = 6.500.000đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Như H số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 229, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như H đối với số tiền 61.000.000đồng (Sáu mươi một triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị T trả cho bà Nguyễn Thị Như H số tiền 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Như H có đơn yêu cầu thi hành án, bà Trần Thị T còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Bà Trần Thị T phải chịu 6.500.000đồng (Sáu triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Như H số tiền tạm ứng án phí 4.475.000đồng (Bốn triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000619 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

DƯƠNG THỊ THÁI